

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 64/2024/HS-ST  
Ngày 19/11/2024.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà H'Năm Bkrông.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN ĐÌNH T**, giới tính: Nam, tên gọi khác: Không. Sinh năm: 1989, tại tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Buôn bán.

Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Con bà Nguyễn Thị M (đã chết), con ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1940, cư trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình bị cáo có 03 anh, em, bị cáo là con thứ 03.

Bị cáo có vợ là Trần Thị Thanh T, sinh năm 1987 và có 01 con, sinh năm 2012, cùng cư trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 tại nhà tạm giữ Công an huyện K đến ngày 13/9/2024 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN M**, giới tính: Nam, tên gọi khác: Không. Sinh năm: 1989, tại tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Làm nông.

Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960, con bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1965, cùng cư trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình bị cáo có 03 anh, em, bị cáo là con thứ 02.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 tại nhà tạm giữ Công an huyện K đến ngày 13/9/2024 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **TỔNG VĂN T**, giới tính: Nam, tên gọi khác: Không. Sinh năm: 1983, tại tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Làm nông.

Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Con ông Tống Văn N, sinh năm 1960, con Phạm Thị P, sinh năm 1960, cư trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình bị cáo có 03 anh, em, bị cáo là con thứ nhất.

Bị cáo có vợ là Huỳnh Thị P, sinh năm 1985 và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019, cùng cư trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 tại nhà tạm giữ Công an huyện K đến ngày 13/9/2024 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **TẠ QUANG H**, giới tính: Nam, tên gọi khác: Không. Sinh năm: 1976, tại tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 3/12. Nghề nghiệp: Làm nông.

Nơi cư trú: Buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Con ông Tạ Quang M, sinh năm 1955, con bà Đặng Thị H, sinh năm 1956. Gia đình bị cáo có 03 anh, em, bị cáo là con thứ nhất.

Bị cáo có vợ là Hồ Thúy O, sinh năm 1974 và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007, cùng cư trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 đến ngày 13/9/2024 tại nhà tạm giữ Công an huyện K thì áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **LÊ THANH H1**, giới tính: Nam, tên gọi khác: Không. Sinh năm: 1982, tại tỉnh Hà Nam.

Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12, nghề nghiệp: Làm nông.

Nơi cư trú: Thôn T1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Con ông Lê Thanh H2, sinh năm 1958, con bà Trần Thị M, sinh năm 1956, cùng cư trú tại thôn T2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình bị cáo có 03 anh, em, bị cáo là con thứ 01.

Bị cáo có vợ là Trà Thị Phương L, sinh năm 1982 và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012, cùng cư trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 tại nhà tạm giữ Công an huyện K đến ngày 13/9/2024 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú– Có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk– Vắng mặt.

*Người chứng kiến:*

Ông Trần Văn H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk– Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 10/9/2024, Tạ Quang H, Lê Thanh H1, Nguyễn Văn M và Tống Văn T đang uống cà phê tại quán “Bà già” của Nguyễn Đình T, ở thôn T, xã E, huyện K thì nghe một khách uống nước trong quán (chưa rõ nhân thân lai lịch) nói với mọi người tại quán “Đủ tay rồi không làm tí à” (ý nói đánh bài). Nghe vậy, H, H1, M và T rủ nhau đánh bài “Phỏm” ăn tiền, rồi hỏi Nguyễn Đình T mượn địa điểm đánh bạc thì T đồng ý. Vì muốn thu tiền xâu nên T đi mua 02 bộ bài tây rồi đưa H, H1, M và T về căn phòng để đồ dùng của gia đình mình ở thôn T, xã E và lấy 01 cái mền trải ra cho các bị cáo đánh “Phỏm” ăn tiền. Khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an huyện K bắt quả tang cùng vật chứng.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Văn M, dùng 9.650.000 đồng để đánh bạc, Tống Văn T dùng 5.050.000 đồng để đánh bạc, Tạ Quang H dùng 5.000.000 đồng để đánh bạc và Lê Thanh H1 dùng 2.050.000 đồng để đánh bạc. Nguyễn Đình T đã thu được 1.000.000 đồng tiền xâu và để trên chiếu bạc. Khi đánh bạc các bị cáo để tiền trên chiếu bạc hoặc trên người thì bị bắt quả tang và thu giữ. Không có ai tổ chức cảnh giới hoặc cho vay, cầm cố tại sòng bạc.

Như vậy, ngày 10/9/2024, Nguyễn Văn M; Tống Văn T; Lê Thanh H1 và Tạ Quang H cùng tham gia đánh bạc với tổng số tiền 21.750.000 đồng. Nguyễn Đình T mua bài tây và cho các bị cáo mượn 01 căn phòng, mền để đánh bạc và thu được 1.000.000 đồng xâu.

Các bị cáo đánh bạc dưới hình thức bài “Phỏm” như sau: Các bị cáo dùng bộ bài tây 52 lá chia cho mỗi người 09 lá bài, riêng người cầm bài được chia 10 lá và là người đánh trước 01 lá bài, phần bài còn lại được đặt giữa chiếu bạc. Người đánh sau nếu thấy lá bài của người đánh trước kết hợp với các lá bài của mình đang có mà tạo được “Phỏm” (Phỏm gồm ít nhất 03 lá bài giống nhau hoặc liên nhau cùng chất) thì ăn lá bài đó và đánh ra 01 lá bài cho người kế tiếp, nếu không ăn thì bốc thêm 01 lá ở phần bài giữa chiếu bạc rồi đánh ra 01 lá cho người kế tiếp. Mỗi ván người chơi được bốc và đánh tối đa 04 lá bài. Kết thúc ván bài, sau khi đã bỏ ra các “Phỏm”, số bài còn lại của người chơi sẽ được tính điểm để xác định thắng thua, theo quy ước các lá bài từ 2 đến 10 sẽ tương ứng với 02 đến 10 điểm, lá bài “J” tương ứng 11 điểm, lá “Q” tương ứng 12 điểm, lá “K” tương ứng 13 điểm và lá “A”

tương ứng 01 điểm. Người ít điểm nhất sẽ thắng ba người còn lại, người nhiều điểm nhất thua 150.000 đồng, người nhiều điểm thứ hai thua 100.000 đồng, người nhiều điểm thứ ba thua 50.000 đồng. Người không có “Phỏm” (Gọi là cháy), thì thua 200.000 đồng. Người nào “Ừ” (là trong 10 lá bài trên tay có đến 09 lá thuộc các “Phỏm”, chỉ dư 01 lá bài), thì thắng mỗi người chơi 250.000 đồng. Ngoài ra người nào “Ừ tròn” (là tất cả 10 lá bài trên tay đều thuộc các “Phỏm”), thì thắng mỗi người chơi 500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKS-HS ngày 28/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố: Bị cáo Nguyễn Đình T, về tội “Gá bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Nguyễn Văn M, Tống Văn T, Tạ Quang H và Lê Thanh H1, về tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn M, Tống Văn T, Tạ Quang H và Lê Thanh H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình T, phạm tội “Gá bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Nguyễn Văn M, Tống Văn T, Tạ Quang H và Lê Thanh H1, phạm tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình T** từ 01 năm 06 tháng đến 2 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Tống Văn T** 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Tạ Quang H** từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Phạt tiền bị cáo **Nguyễn Văn M** từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

-Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Phạt tiền bị cáo **Lê Thanh H1** từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

-Các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước tổng số tiền 21.750.000 thu trên chiếu bạc và trên người các bị cáo là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

+Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tây 52 lá; 01 mền vải màu xanh, kích thước 100cm x 100cm.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu tới an ninh trật tự xã hội và có thể là làm phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật khác. Do đó, cần phải xét xử và áp dụng mức án thích đáng là cần thiết để cải tạo, giáo dục các bị cáo, mục đích răn đe riêng và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét thấy trong vụ án này có 05 bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội, vai trò, hành vi của mỗi bị cáo trong vụ án là khác nhau. Do vậy, cần phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án để áp dụng tội danh và hình phạt cho tương xứng.

Bị cáo Nguyễn Đình T là người thực hiện hành vi phạm tội tích cực nhất, với vai trò là người chuẩn bị địa điểm, chuẩn bị 02 bộ bài để các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc, quá trình đánh bạc bị cáo thu lợi bất chính 1.000.000 đồng, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội gá bạc, với mức hình phạt nghiêm khắc, mức án của bị cáo phải cao hơn các bị cáo khác.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn M, dùng 9.650.000 đồng để đánh bạc, Tống Văn T dùng 5.050.000 đồng để đánh bạc, Tạ Quang H dùng 5.000.000 đồng để đánh bạc và Lê Thanh H1 dùng 2.050.000 đồng để đánh bạc vì vậy cũng phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, để giáo dục các bị cáo thành công dân tốt.

Như vậy bản cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Đình T, phạm tội “Gá bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Nguyễn Văn M, Tống Văn T, Tạ Quang H và Lê Thanh H1, phạm tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành*

*vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

Điều 322 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên”*

[2.2] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

-Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

-Về tình tiết giảm nhẹ:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đình T, Tống Văn T, Tạ Quang H, Nguyễn Văn M và Lê Thanh H1 đều thành khẩn khai báo, bày tỏ sự ăn năn, hối cải đối với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng cho tất cả các bị cáo trong quá trình lượng hình.

Bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội lần đầu, có H1 hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Ngoài ra, bố của bị cáo là ông Nguyễn Đình Ngu có công lao trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng huân chương kháng chiến hạng nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo Tống Văn T, Tạ Quang H, Lê Thanh H1, Nguyễn Văn M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn M có H1 hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Ngoài ra, cả ông ngoại và bà ngoại của bị cáo đều có công lao trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng huân chương kháng chiến hạng nhất và hạng nhì, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần xem xét áp dụng thêm cho bị cáo.

Từ những phân tích trên, thiết nghĩ cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện để không những giáo dục cho các bị cáo mà còn góp phần răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Xét thấy các bị cáo đều lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cần cho các bị cáo Nguyễn Đình T, Tạ Quang H, Tống Văn T được hưởng án treo để các bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội, có sự giám sát của gia đình, chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và cũng đảm bảo việc phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo Nguyễn Văn M và Lê Thanh H1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vì vậy áp dụng phạt tiền cho các bị cáo cũng đủ nghiêm khắc, để các bị cáo có cơ hội tự rèn luyện, cải tạo bản thân và trở thành những công dân tốt cho xã hội.

[2.3] Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng.

+ Đối với tổng số tiền 21.750.000 thu trên chiếu bạc và trên người các bị cáo là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

+ Đối với 02 bộ bài tây 52 lá; 01 mền vải màu xanh, kích thước 100cm x 100cm là tang vật của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[2.4] Đối với căn phòng của bà Trần Thị Thanh T mà các bị cáo làm địa điểm đánh bạc. Quá trình điều tra xác định, bà Tuyên không biết việc các bị cáo dùng căn phòng của mình làm địa điểm phạm tội nên không xử lý bà Tuyên là đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**[1]. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Gá bạc”; Các bị cáo Tống Văn T, Tạ Quang H, Nguyễn Văn M, Lê Thanh H1 phạm tội “Đánh bạc”.

#### **[2]. Về hình phạt:**

1.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN ĐÌNH T 01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **TỐNG VĂN T 09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **TẠ QUANG H 09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Đình T, Tống Văn T, Tạ Quang H cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Phạt tiền bị cáo **NGUYỄN VĂN M** là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*).

-Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Phạt tiền bị cáo **LÊ THANH H1** là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*).

**[3].Các biện pháp tư pháp:** Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước tổng số tiền 21.750.000 (*hai mươi một triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng*).

+Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tây 52 lá; 01 mền vải màu xanh, kích thước 100cm x 100cm.

(*Vật chứng có đặc điểm và số lượng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/10/2024, Giấy nộp tiền, Lệnh thanh toán ngày 29/10/2024 giữa Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K được lưu trong hồ sơ vụ án*).

**[4].Về án phí:** Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đình T, Tống Văn T, Tạ Quang H, Nguyễn Văn M, Lê Thanh H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**\*Nơi nhận:**

- Vụ GDKT 1-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THA DS huyện K;
- Chánh án huyện K;
- UBND xã E, H.K;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa**

(*Đã ký*)

**H’NĂM BKRÔNG**







